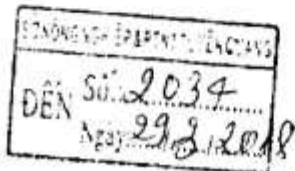


Số: 02 /2018/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành
trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-STNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 và bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 25/5/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân trong quản lý và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

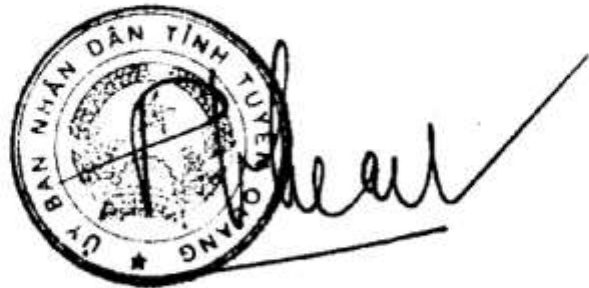
2. Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cán bộ địa chính cấp xã và người sử dụng đất trong công tác quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Báo Tuyên Quang;
- Đài phát thanh và truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng, Phó TP và các CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT. (Đ.60)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huấn

QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai,
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác quản lý đất đai, khoáng sản phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mọi vi phạm phải được kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong việc phát hiện, tố giác hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm trong quản lý đất đai, khoáng sản mà không thực hiện hết trách nhiệm được giao, để xảy ra vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thiết lập số điện thoại (đường dây nóng), số FAX, hộp thư điện tử của cơ quan, công

bộ công khai để tiếp nhận ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn. Đường dây nóng phải đảm bảo được duy trì 24/24 giờ để tiếp nhận đầy đủ và xử lý kịp thời các ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết; đối với phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết thì trong thời gian 24 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin, cơ quan tiếp nhận phải chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Đối với vụ việc phức tạp vượt thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường khi tiếp nhận thông tin phải phối hợp Công an tỉnh, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời tổ chức lực lượng để kiểm tra, xác minh, làm rõ chứng cứ hành vi vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và công chức địa chính cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Báo cáo tình hình quản lý đất đai, khoáng sản được lập thành mục riêng trong báo cáo định kỳ hàng tháng với Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo đột xuất khi phát hiện và kết quả xử lý các vi phạm trên địa bàn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được phân công nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thêm nhiệm vụ phụ trách địa bàn cho cán bộ, công chức cấp xã phụ trách địa chính, xây dựng, tài nguyên thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các vi phạm về quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn.

b) Đưa nội dung đánh giá công tác quản lý đất đai, khoáng sản vào chương trình họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã; chấn chỉnh, kiểm điểm đối với cán bộ, công chức cấp xã không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Lập hồ sơ, xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Trường hợp vi phạm vượt thẩm quyền giải quyết phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ngay sau khi các văn bản có hiệu lực pháp luật.

đ) Trường hợp để xảy ra vi phạm trên địa bàn mà không phát hiện, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Công chức Địa chính- Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã); sau đây viết tắt là Công chức địa chính cấp xã:

Ngoài nhiệm vụ của Công chức địa chính cấp xã theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ và các văn bản pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực đất đai, khoáng sản; Công chức Địa chính cấp xã được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, khoáng sản trong việc phát hiện, ngăn chặn các vi phạm như sau:

a) Thường xuyên kiểm tra, phối hợp với Trưởng thôn, cán bộ, công chức cấp xã phụ trách địa bàn phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm.

b) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình thì tiến hành ngay lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính (trừ trường hợp không phải lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính). Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 55 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, khẩn trương xác minh làm rõ hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc cá nhân và thực hiện xử phạt hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản.

c) Đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về hình thức xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trường phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan thanh tra, điều tra thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, điều tra xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản trên địa bàn.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất) về tình hình quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn theo yêu cầu của công tác quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn. Trách nhiệm trong việc phát hiện, xử lý các vi phạm về quản lý đất đai, khoáng sản, cụ thể như sau:

a) Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn.

b) Kịp thời chỉ đạo tổ chức lực lượng ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm khi nhận được báo cáo của cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường) đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý không hoàn thành trách nhiệm theo quy định này.

d) Trường hợp phát hiện vi phạm mà không kịp thời ngăn chặn, để vi phạm kéo dài, phức tạp gây bức xúc của nhân dân thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật, đồng thời Trường phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trong việc phát hiện, ngăn chặn các vi phạm trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn huyện, thành phố, cụ thể như sau:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng của huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra tại địa bàn cấp xã, phát hiện ngăn chặn kịp thời các vi phạm.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã và công chức địa chính cấp xã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn trong việc phát hiện, xử lý vi phạm, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

c) Kịp thời báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý nghiêm, đúng quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm của tổ chức, cá nhân trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trường phòng Tài nguyên và Môi trường không kịp thời báo cáo, đề xuất giải quyết vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản trên địa bàn khi nhận được thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân thì phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và xử lý theo quy định của pháp luật về công chức.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thẩm định hồ sơ trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp thông tin và kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cấp huyện, cấp xã thực hiện trách nhiệm được giao trong quản lý đất đai, khoáng sản theo quy định của pháp luật và Quy định này.

3. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan kịp thời xử lý vi phạm khi nhận được báo cáo, đề nghị phối hợp của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các cơ quan của tỉnh.

4. Thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm trong quản lý đất đai, khoáng sản; đặc biệt là việc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm đối với các cơ quan hành chính và người đứng đầu các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã trong quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản; giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Công an tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh trật tự trong việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; phối hợp xử lý vi phạm có liên quan.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, công an cấp huyện tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong quản lý đất đai, khoáng sản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Sở Công Thương

1. Hướng dẫn phân định, xác định mốc giới đất làm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện (công trình đường dây điện và Trạm biến áp), hành lang an toàn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các công trình, dự án. Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc phân định, xác định mốc giới đất làm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện ở ngoài thực địa và công bố công khai mốc giới xác định đất hành lang bảo vệ an toàn công trình.

2. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện quy hoạch và tỷ lệ lấp đầy tại các

khu, cụm công nghiệp; đề xuất điều chỉnh có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất (nếu có) trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan (Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện) kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn thực hiện các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý của ngành đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện các quy hoạch; đề xuất điều chỉnh quy hoạch có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất (nếu có) trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

3. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý đối với các trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trái phép trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc xác định ranh giới đất hành lang bảo vệ an toàn đê điều, hồ đập chứa nước và các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. Phối hợp các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường thanh tra, kiểm tra các công trình: đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các khu vực xung yếu có nguy cơ sạt lở bờ sông.

3. Chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các phương tiện vận chuyển khoáng sản trái phép trong phạm vi các công trình, dự án quản lý.

4. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, kết quả thực hiện quy hoạch phân ba loại rừng, quy hoạch thủy sản, quy hoạch thủy lợi; đề xuất những điều chỉnh có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất (nếu có) trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

Điều 11. Sở Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý chặt chẽ phạm vi đất dành cho hành lang bảo vệ đường bộ của các tuyến đường trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy; xử lý nghiêm các phương tiện khai thác khoáng sản ảnh hưởng đến đê, cầu, cống và các công trình giao thông theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp Cục đường thủy Nội địa Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc kiểm tra, xác định khu vực cấm neo đậu, cấm đỗ, cấm dừng tàu thuyền trên sông làm ảnh hưởng đến sạt lở đất bờ sông và các công trình giao thông, thủy lợi trên sông.

3. Thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm lấn, chiếm đất trong phạm vi hành lang an toàn cho đường bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan cân đối từ nguồn ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, khoáng sản theo quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, khoáng sản và xác định giá trị tài sản xử lý vi phạm hành chính đảm bảo đúng quy định và có hiệu quả.

Điều 13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, bố trí đủ kinh phí cho công tác quản lý đất đai phù hợp với nội dung và lộ trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 14. Sở Thông tin Truyền thông

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ báo cáo

Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về trách nhiệm được giao trong quản lý đất đai, khoáng sản tại địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp) kết quả thực hiện về trách nhiệm được giao trong quản lý đất đai, khoáng sản theo quy định này; thực hiện báo cáo đột xuất với cơ quan có thẩm quyền (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh) theo yêu cầu công tác quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung tại Quy định này.

Điều 17. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Trong quá trình thực hiện, khi có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' at the top and 'QUẢNG BÌNH' at the bottom. A handwritten signature in black ink is written over the seal. The signature is cursive and appears to read 'Phạm Minh Huân'.

Phạm Minh Huân